

Phụ lục I

MỨC TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THI

(Kèm theo Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi.			
1.1	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	800	
1.2	Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	700	
1.3	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24h/24h).	Đồng/người/ngày	600	
1.4	Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài.	Đồng/người/ngày	300	
2	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi			
2.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	800	
2.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	700	
2.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	600	
2.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	450	
2.5	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	300	
2.6	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi.	Đồng/người/ngày	600	
3	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban Chỉ đạo thi			
3.1	Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	1.000	
3.2	Phó Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	750	
3.3	Ủy viên, thư ký.	Đồng/người/ngày	600	
3.4	Nhân viên phục vụ.	Đồng/người/ngày	300	
4	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng thi			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
4.1	Chủ tịch	Đồng/người/ngày	800	
4.2	Phó chủ tịch	Đồng/người/ngày	700	
4.3	Ủy viên	Đồng/người/ngày	600	
5	Các chức danh là thành viên của Ban Thư ký Hội đồng thi			
5.1	Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	750	
5.2	Phó Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	700	
5.3	Ủy viên.	Đồng/người/ngày	600	
6	Các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban Coi thi			
6.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	750	
6.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	700	
6.3	Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Đồng/người/ngày	600	
6.4	Công an, bảo vệ	Đồng/người/ngày	300	
7	Các chức danh là thành viên của Ban/Tổ làm phách			
7.1	Trưởng ban	Đồng/người/ngày	750	
7.2	Phó Trưởng ban	Đồng/người/ngày	700	
7.3	Ủy viên, thư ký.	Đồng/người/ngày	600	
7.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Đồng/người/ngày	450	
7.5	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người/ngày	300	
8	Các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi			
8.1	Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	800	
8.2	Phó Trưởng ban.	Đồng/người/ngày	700	
8.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên.	Đồng/người/ngày	600	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
8.4	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Đồng/người/ngày	300	
9	Chi tiền công ra đề thi			
9.1	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi.			
	- Chủ trì.	Đồng/người/ngày	800	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	600	
9.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận.			
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/đề theo phân môn	800	
	- Đề thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/đề theo phân môn	900	
9.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm đối với đề thi tuyển sinh đầu cấp, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi chọn vào đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia			
	- Đề thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	600	
	- Đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	1.000	
	- Đề thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	1.200	
	- Đề thi thực hành kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Đồng/người/ngày	1.200	
	- Đề thi nói gồm 10 chủ đề	Đồng/người/ngày	600	
10	Chi tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
10.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	800	
	- Thành viên	Đồng/người/ngày	600	
10.2	Chi soạn thảo câu hỏi thô.	Đồng/câu	70	
10.3	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi.	Đồng/câu	60	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
10.4	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm.	Đồng/câu	50	
10.5	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi.	Đồng/câu	35	
10.6	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	10	
10.7	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	- Chủ trì	Đồng/người/ngày	750	
	- Các thành viên	Đồng/người/ngày	600	
11	Chi tiền công chấm bài thi¹			
11.1	Chấm bài thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đồng/người/ngày	750	
11.2	Chấm bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	675	
11.3	Chấm bài thi tự luận/trắc nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	600	
11.4	Chấm bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	525	
12	Chi tiền công chấm phúc khảo bài thi, chấm thẩm định			
12.1	Chi tiền công chấm phúc khảo bài thi			
	- Chấm phúc khảo bài thi chọn đội tuyển	Đồng/người/ngày	600	
	- Chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	525	
	- Chấm phúc khảo bài thi tự luận/trắc nghiệm kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	450	
	- Chấm phúc khảo bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	375	
12.2	Chi tiền công chấm thẩm định bài thi			
	- Chấm thẩm định bài thi chọn đội tuyển	Đồng/người/ngày	480	
	- Chấm thẩm định bài thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người/ngày	420	

¹ Định mức chấm bài thi tự luận, thi nói và thi thực hành, bài thi tin học theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi:

- Kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia/ cấp tỉnh và chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ cấp huyện: Tối đa 20 bài/người/ngày;
- Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi tuyển sinh đầu cấp: Tối đa 30 bài/người/ngày.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
	- Chấm thẩm định bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Đồng/người/ngày	360	
	- Chấm thẩm định bài thi tuyển sinh đầu cấp	Đồng/người/ngày	300	
13	Chi tiền công tập huấn các đội tuyển			
13.1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Đồng/người/ngày	450	
13.2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, dạy thực hành	Đồng/người/giờ	250	
13.3	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Đồng/người/ngày	450	